



CÔNG TY TNHH SỬA CHỮA TÀU BIỂN VINALINES

-----000-----

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 tháng 01 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Phước Long

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA

CÔNG TY TNHH SỬA CHỮA TÀU BIỂN VINALINES

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 200....



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hải Sơn

NĂM 2008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

Công ty trách nhiệm hữu hạn Sửa chữa tàu biển Vinalines là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Điều lệ, các quy định của Công ty, các quyết định của Hội đồng thành viên nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những nguyên tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Hội đồng thành viên của Công ty tại phiên họp Hội đồng thành viên thành lập Công ty tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2008

CHƯƠNG I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau sẽ có nghĩa như quy định dưới đây:
 - a. “*Công ty*” là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sửa chữa tàu biển Vinalines.
 - b. “*Vốn điều lệ*” là số vốn do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp trong một thời gian nhất định và quy định tại Điều 12 Điều lệ này.
 - c. “*Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sửa chữa tàu biển Vinalines.
 - d. “*Ngày thành lập*” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - e. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
 - f. “*Pháp luật*” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12/11/1996.
 - g. “*Thành viên sáng lập*” là người góp vốn, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
 - h. “*Người quản lý*” là thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng thành viên Công ty bổ nhiệm.
 - i. “*Người đại diện theo ủy quyền*” là cá nhân được thành viên là tổ chức của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - j. “*Người có liên quan*” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - k. “*TNHH*” là trách nhiệm hữu hạn.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu tới cũng sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện cho theo dõi và không có tác dụng ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Tên gọi và biểu tượng của Công ty

1. Tên viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SỬA CHỮA TÀU BIỂN VINALINES

2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

VINALINES SHIPYARD COMPANY LIMITED

3. Tên viết tắt bằng tiếng Anh:

VINALINES SHIPYARD

4. Biểu tượng của Công ty:



VINALINES SHIPYARD

Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng và con dấu riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

1. Địa chỉ trụ sở chính : B6 – Lô E, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- Điện thoại :

- Fax :

2. Công ty có thể thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thành lập mới các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện theo quyết định của Hội đồng thành viên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Hình thức sở hữu - tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ này.

2. Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines là công ty con của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty con theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

3. Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines là một công ty:

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hạch toán kinh tế độc lập; tự chủ về tài chính; có bảng cân đối kế toán riêng; tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Công ty không được quyền phát hành cổ phần.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh**1. Mục tiêu hoạt động:**

Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines được thành lập để huy động vốn, đầu tư xây dựng Nhà máy sửa chữa tàu biển tại tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu, cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu biển cho đội tàu của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và các chủ tàu trong nước và quốc tế, bảo toàn vốn, kinh doanh có hiệu quả mang lại lợi ích kinh tế và đảm bảo quyền lợi của các thành viên Công ty.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành hàng hải theo định hướng phát triển của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy đến 100.000 DWT;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị chuyên ngành thủy;
- Sản xuất cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa, nồi hơi;
- Sửa chữa và đóng mới container tiêu chuẩn;
- Kinh doanh các dịch vụ gia công cơ khí;
- Kinh doanh nhà khách, dịch vụ lưu trú ngắn hạn phục vụ thuyền viên;
- Cung ứng tàu biển.

Điều 6. Thời gian hoạt động

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo quyết định của Hội đồng thành viên và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Quy định nói tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Công ty bị giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các thành viên của Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào Công ty.
3. Các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm riêng của mỗi thành viên độc lập hoàn toàn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty, cho dù được phát sinh trước hay sau khi Công ty được thành lập.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Hội đồng thành viên.
5. Hội đồng thành viên thành lập Ban kiểm soát để giám sát việc quản lý và điều hành Công ty.
6. Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm và miễn nhiệm theo trình tự thủ tục quy định tại Điều lệ này.

7. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 8. Quyền của Công ty

1. Tự chủ trong kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; đăng ký thay đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
2. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh; thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty;
3. Sử dụng và quản lý các tài sản Nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định về đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty;
4. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất;
5. Được cầm cố, thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các tổ chức tín dụng để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật;
6. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, phân bổ và sử dụng vốn;
7. Chủ động tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết các hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước;
8. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh;
9. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;
10. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty;
11. Thành lập mới các công ty TNHH, công ty cổ phần, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty hoạt động trong nước hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật;
12. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác đối với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
13. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định;
14. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước;

15. Chủ động đổi mới công nghệ, trang thiết bị và áp dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Công ty;
16. Tự chủ quyết định các công việc nội bộ;
17. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá;
18. Phát hành, chuyển nhượng, mua lại hoặc bán các trái phiếu theo quy định của pháp luật;
19. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các thành viên sau khi đã làm đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ, phù hợp với pháp luật và nghị quyết của Hội đồng thành viên;
20. Trích khấu hao tài sản cố định, theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Nhà nước quy định;
21. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư theo quy định của Nhà nước;
22. Có quyền sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước;
23. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam;
24. Thực hiện khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
25. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
26. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; chịu trách nhiệm trước các thành viên về kết quả kinh doanh;
2. Chịu trách nhiệm vật chất hữu hạn đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty;
3. Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin theo mẫu được quy định và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo không chính xác, không đầy đủ thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó;
4. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm lập báo cáo;
5. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán - thống kê;
6. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định;

7. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá khách quan và đúng đắn về hoạt động của Công ty;
8. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ;
9. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;
10. Tổ chức thực hiện các hợp đồng đã ký với đối tác;
11. Bảo đảm và chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về chất lượng sản phẩm, dịch vụ do Công ty thực hiện ;
12. Tôn trọng việc thành lập và hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó;
13. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;
14. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật; tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
15. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN CÔNG TY, VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 10. Thành viên Công ty

1. Các thành viên Công ty bao gồm :

a. **TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000600 cấp ngày 06/12/1995 tại Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

b. **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI**

Trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000740 cấp ngày 09/3/2004 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng.

Điều 11. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Công ty gồm có:

- Vốn điều lệ đã góp;
- Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các tổ chức khác, cá nhân trong nước và ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Vốn huy động bằng các hình thức phát hành trái phiếu công ty và những hình thức huy động vốn khác theo các quy định của pháp luật hiện hành;

- Vốn tiếp nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để bổ sung cho vốn hoạt động của Công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành;
- Vốn tích lũy được hình thành từ kết quả kinh doanh, được dùng để mở rộng và phát triển Công ty, vốn góp liên doanh, liên kết từ các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định theo giá trị bằng tiền Việt Nam là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).
2. Vốn điều lệ của Công ty được hình thành từ việc các thành viên góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hay các hiện vật khác dưới hình thức chuyển quyền sở hữu cho Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động phải được một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nguồn tiền, tài sản do các thành viên tự nguyện góp vốn vào Công ty.
3. Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm thành lập:
 - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam góp 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng), tương ứng với 80% vốn điều lệ bằng tiền mặt và các chi phí hợp lý, hợp lệ đã thực hiện đối với dự án đầu tư Nhà máy sửa chữa tàu biển Vinalines phía Nam tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến thời điểm góp vốn.
 - Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải góp 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), tương ứng với 20% vốn điều lệ, bằng tiền, tài sản (các tài sản nguyên trạng của Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại Vũng Tàu liên quan và cần thiết với dự án đầu tư Nhà máy sửa chữa tàu biển Vinalines phía Nam) và các chi phí hợp lý, hợp lệ đã thực hiện đối với dự án đầu tư Nhà máy sửa chữa tàu biển Vinalines phía Nam tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến thời điểm góp vốn.

Điều 13. Thực hiện góp vốn và cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành viên góp vốn theo tiến độ do Công ty xây dựng phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn bằng tiền và loại tài sản góp vốn như đã cam kết. Trường hợp thành viên thay đổi loại tài sản góp vốn đã cam kết thì phải được sự nhất trí của các thành viên còn lại; Công ty thông báo bằng văn bản nội dung thay đổi đó đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày chấp thuận sự thay đổi.
3. Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc đã góp nhưng chưa đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với Công ty và thành viên đó phải trả lãi theo mức cao nhất của các ngân hàng thương mại cho đến khi nộp đủ số vốn đã cam kết góp và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn theo cam kết đó.
4. Sau thời hạn cam kết lần cuối mà vẫn có thành viên chưa góp số vốn cam kết góp thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong các cách sau đây:
 - a. Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp;

- b. Huy động người khác cùng góp vốn vào Công ty;
- c. Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty.
Sau khi số vốn còn lại được góp đủ theo quy định tại khoản này, thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của Công ty và Công ty đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của Điều lệ này.
5. Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được Công ty cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c. Vốn điều lệ của Công ty;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức;
 - e. Phần vốn góp, giá trị vốn góp của thành viên;
 - f. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Tổng giám đốc Công ty.
6. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được Công ty cấp lại Giấy chứng nhận phần vốn góp.

Điều 14. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Hội đồng thành viên Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết bằng các hình thức sau:
 - Tăng vốn góp của thành viên;
 - Điều chỉnh tăng vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của Công ty;
 - Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.
2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn đã góp của họ trong vốn điều lệ Công ty. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.
Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng cách tiếp nhận thêm thành viên phải được sự nhất trí của các thành viên.
3. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, Công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:
 - a. Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của Công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 (hai) năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh; đồng thời vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên;

- b. Mua lại phần vốn góp theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này;
- c. Điều chỉnh giảm mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của Công ty.
- 4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Trái phiếu Công ty

- 1. Tùy theo nhu cầu tài chính của Công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường, Công ty có thể phát hành trái phiếu Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Hội đồng thành viên quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.
- 3. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là loại trái phiếu có thể được chuyển đổi thành vốn góp tại Công ty khi Công ty có nhu cầu tăng vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng thành viên. Tỷ lệ chuyển đổi do Hội đồng thành viên quyết định.
- 4. Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 5. Nếu Công ty phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán, việc phát hành sẽ tuân theo các quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 16. Sổ đăng ký thành viên

- 1. Khi góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được ghi vào Sổ đăng ký thành viên Công ty.
- 2. Công ty lập Sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký thành viên có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức;
 - c. Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên; thời điểm góp vốn; loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn;
 - d. Chữ ký của thành viên là cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật của thành viên là tổ chức;
 - e. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên.
- 3. Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Quyền của thành viên Công ty

- 1. Thành viên Công ty có quyền:
 - a. Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

- b. Có sổ phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp;
 - c. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chụp hoặc trích lục Sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Công ty;
 - d. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi Công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - e. Được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - f. Được ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng vốn điều lệ, được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định tại Điều lệ này;
 - g. Khiếu nại hoặc khởi kiện Tổng giám đốc khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của thành viên hoặc Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, để thừa kế, tặng, cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu từ 20% vốn điều lệ trở lên, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên;
3. Trường hợp Công ty có một thành viên sở hữu trên 80% vốn điều lệ thì các thành viên thiểu số họp nhau lại đương nhiên có quyền như quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 18. Nghĩa vụ của thành viên Công ty

- 1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 14, 19, 20 và 21 của Điều lệ này.
- 2. Tuân thủ Điều lệ này.
- 3. Chấp hành quyết định của Hội đồng thành viên.
- 4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 19. Mua lại phần vốn góp

- 1. Thành viên có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ Công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;
- b. Tổ chức lại Công ty.
Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định vấn đề quy định tại các điểm a và b khoản này.
2. Khi có yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty và thành viên có thể thỏa thuận về giá mua lại phần vốn góp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên theo giá thị trường hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để thành viên lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Nếu Công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thành viên đó có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 20. Chuyển nhượng phần vốn góp

Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 của Điều lệ này, thành viên Công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

1. Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong Công ty với cùng điều kiện;
2. Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của Công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày chào bán.

Điều 21. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác

1. Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của Công ty.
2. Trong trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong Công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.
3. Phần vốn góp của thành viên được Công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người thừa kế không muốn trở thành thành viên;
 - b. Người được tặng, cho theo quy định tại khoản 5 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên;
 - c. Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.

4. Trường hợp phần vốn góp của thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại Công ty cho người khác.

Trường hợp người được tặng cho là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ ba thì họ đương nhiên là thành viên của Công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành viên của Công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

6. Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai cách sau đây:
- a. Trở thành thành viên của Công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;
- b. Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 22. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này thì các thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 23. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Hội đồng thành viên;
- Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát.

Điều 24. Mọi quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc của Công ty

1. Các đơn vị phụ thuộc của Công ty (được gọi tắt là đơn vị) được thành lập có bộ máy tinh gọn, hiệu quả gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, các phòng ban chức năng, tổ đội sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất và nhiệm vụ được giao;
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phải tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành;
3. Hàng năm các đơn vị phải chủ động tìm kiếm việc làm đồng thời được Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế bắt buộc phù hợp với nguồn lực và khả năng kinh tế của từng đơn vị;
4. Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung và quyền hưởng thụ đầy đủ các lợi ích kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định;
5. Các mối quan hệ khác tuân theo quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 25. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm các thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Thành viên là tổ chức chỉ định người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên. Thành viên là tổ chức sở hữu dưới 20% vốn điều lệ được chỉ định 01 người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên; sở hữu từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ được chỉ định tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên; sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên được chỉ định tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên.
3. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp Hội đồng thành viên. Các cuộc họp Hội đồng thành viên gồm:
 - a. Cuộc họp thành lập Công ty
Hội đồng thành viên tổ chức cuộc họp thành lập Công ty thảo luận và thông qua Điều lệ của Công ty, kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính cho 03 (ba) năm đầu tiên kể từ khi Công ty chính thức đi vào hoạt động; bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu các thành viên Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức quản lý của Công ty.
 - b. Cuộc họp thường kỳ
Hàng năm, Hội đồng thành viên phải họp định kỳ ít nhất 04 (bốn) tháng một lần để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với luật pháp.
 - c. Cuộc họp bất thường
Cuộc họp Hội đồng thành viên bất thường được tổ chức khi có phát sinh bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổ chức, hoạt động của Công ty.

Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;
 - c. Quyết định giá chào bán trái phiếu của Công ty;
 - d. Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định phương thức đầu tư và dự án đầu tư của Công ty;
 - e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; thông qua hoặc phân cấp/ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản của Công ty;
 - f. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Việc chấp thuận hoặc vô hiệu các hợp đồng, giao dịch tại khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Luật Doanh nghiệp.

- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - h. Quyết định thành lập Ban kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; quyết định thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác của Công ty; Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - j. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty;
 - n. Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
 - o. Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc khi cần thiết và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;
 - p. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - q. Quyết định tổ chức lại Công ty;
 - r. Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng thành viên không được phép trực tiếp hay gián tiếp cho vay, cho mượn tài sản của Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng sau:
- Thành viên Công ty, người đại diện theo ủy quyền của thành viên Công ty.
 - Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
3. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng thành viên tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng thành viên thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 27. Người đại diện theo ủy quyền

1. Việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản, được thông báo đến Công ty và cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày chỉ định. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;
 - b. Tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền được chỉ định;
 - d. Thời hạn uỷ quyền;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thành viên, của người đại diện theo uỷ quyền của thành viên.
2. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
3. Người đại diện theo uỷ quyền nhân danh thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy định của Điều lệ này. Mọi hạn chế của thành viên đối với người đại diện theo uỷ quyền của mình trong việc thực hiện các quyền thành viên thông qua Hội đồng thành viên đều không có hiệu lực pháp lý đối với bên thứ ba.
4. Người đại diện theo uỷ quyền có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thành viên; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của thành viên và Công ty.
5. Người đại diện theo uỷ quyền có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp được uỷ quyền.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
 - c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá 05 (năm) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.
5. Khi Chủ tịch Hội đồng thành viên từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng thành viên bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 29. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên thành lập do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam triệu tập.
2. Cuộc họp Hội đồng thành viên thường kỳ được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên.
3. Hội đồng thành viên họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.
4. Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo uỷ quyền;
 - b. Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp;
 - c. Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - d. Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.
5. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho các thành viên Công ty chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên; trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên; đồng thời, có quyền nhân danh mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của thành viên hoặc nhóm thành viên đó.
7. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 6 Điều này phải bằng văn bản, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;
 - b. Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;
 - c. Dự kiến chương trình họp;
 - d. Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ.
8. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và thành viên có liên quan của Công ty. Trong trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 30. Điều kiện và thể thức họp Hội đồng thành viên

1. Điều kiện để tiến hành họp Hội đồng thành viên:
 - a. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 75% vốn điều lệ tại thời điểm tương ứng dự họp cho lần triệu tập thứ nhất.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc thì cuộc họp Hội đồng thành viên được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 50% vốn điều lệ tại thời điểm tương ứng;
 - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm dự định khai mạc thì

cuộc họp Hội đồng thành viên được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên làm chủ tọa các cuộc họp Hội đồng thành viên. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp.
3. Chủ tọa cuộc họp có thể cử Thư ký để lập biên bản họp Hội đồng thành viên và cử Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người để kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp.
4. Khi tiến hành thủ tục đăng ký, kiểm tra xác nhận tư cách của thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ tên thành viên, họ tên người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ vốn góp của thành viên đó. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách giơ thẻ chấp thuận một vấn đề trước, giơ thẻ phản đối vấn đề đó sau. Tỷ lệ tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng theo phần vốn góp sẽ được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp và ghi vào nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên.
5. Trường hợp thành viên không đến dự họp thì có thể gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc cuộc họp Hội đồng thành viên và trong trường hợp này được coi là dự họp Hội đồng thành viên.
6. Thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
7. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp Hội đồng thành viên một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số thành viên tham dự.

Điều 31. Quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Quyết định phương hướng phát triển Công ty;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;
 - đ. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - e. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
2. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận;

- b. Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên đại diện ít nhất 75% vốn điều lệ chấp thuận.

Điều 32. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b. Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện uỷ quyền của thành viên không dự họp;
 - c. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d. Tỷ lệ theo phần vốn góp biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e. Các quyết định được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Điều 33. Thủ tục thông qua quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, tỷ lệ phần vốn đại diện của thành viên Hội đồng thành viên;
- c. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- d. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, chính xác được thành viên gửi về Công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ;

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 34. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng thành viên hoặc thuê người khác.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hợp đồng lao động ký với Hội đồng thành viên; chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm; có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc được trả tiền lương, tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được nêu trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty phải là người có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, 03 (ba) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hiểu biết pháp luật, có sức khỏe phù hợp với chức vụ được giao;
 - c. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.
 - d. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của các công ty khác.
2. Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên căn cứ những điều kiện nói trên xem xét, bỏ phiếu tuyển chọn theo nguyên tắc đa số chấp thuận.

Điều 36. Quyền và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;

3. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng thành viên nếu thấy trái pháp luật và trái Điều lệ;
4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
5. Báo cáo Hội đồng thành viên tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hàng năm, hàng quý, hoặc đột xuất tùy theo yêu cầu của Hội đồng thành viên;
6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
7. Xây dựng và trình Hội đồng thành viên chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
8. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
9. Kiến nghị giải pháp phát triển thị trường, quảng cáo, tiếp thị và công nghệ;
10. Kiến nghị số lượng và các chức danh quản lý để Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, đề xuất và tư vấn để Hội đồng thành viên quyết định mức lương thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
12. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
13. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng thành viên; Khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động;
14. Quyết định các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên;
15. Thừa ủy quyền của Hội đồng thành viên quản lý toàn bộ tài sản của Công ty;
16. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản;
17. Được quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng thành viên;
18. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
19. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các quyết định của Hội đồng thành viên.

giám đốc, Hội đồng thành viên và pháp luật về phạm vi công việc được phân công uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng là người giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất, công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Công ty.
4. Giám đốc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty là thủ trưởng điều hành trực tiếp các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy chế quản lý nội bộ được Hội đồng thành viên phê duyệt phải tự chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty, Hội đồng thành viên và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.
5. Các Trưởng, Phó phòng, ban chuyên môn là người giúp Tổng giám đốc Công ty thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày.

Điều 38. Việc uỷ quyền, uỷ nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có thể uỷ quyền, uỷ nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình.
2. Người được Tổng giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 39. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng thành viên. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, Hội đồng thành viên họp xem xét và quyết định.
2. Miễn nhiệm: Tổng giám đốc đương nhiên miễn nhiệm khi bị chết, mất trí, mất năng lực hành vi dân sự hoặc tự ý bỏ nhiệm sở từ 30 (ba mươi) ngày trở lên.
3. Bãi nhiệm: Hội đồng thành viên có quyền quyết định bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận (Tổng giám đốc nếu là thành viên Hội đồng thành viên thì không được biểu quyết).
4. Trong trường hợp Tổng giám đốc không còn đủ tư cách, Hội đồng thành viên phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng thành viên phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

CHƯƠNG VIII: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 40. Nghĩa vụ của người quản lý

1. Người quản lý Công ty có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và chủ sở hữu Công ty;

- b. Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - d. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 41. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý

1. Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.
3. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng thành viên của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng thành viên.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban kiểm soát được thành lập để giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty.
2. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Hội đồng thành viên bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Hội đồng thành viên gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
6. Hội đồng thành viên bầu một người trong số thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát.

Điều 43. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải:
 - Thường trú tại Việt Nam;
 - Lý lịch rõ ràng, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự;

Handwritten signature

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
2. Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán và thành viên này không được phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty, không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 44. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có những quyền hạn, nhiệm vụ như sau:
 - a. Thực hiện giám sát Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm;
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty;
 - d. Được Hội đồng thành viên tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - g. Xem xét các khuyến cáo của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành Công ty;
 - h. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng thành viên chấp thuận;
 - i. Kiến nghị Hội đồng thành viên các biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - j. Khi có yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng thành viên và nhóm thành viên có yêu cầu;
 - k. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - l. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 40 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng thành viên, yêu cầu người có hành vi vi phạm

chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- m. Tham dự các cuộc họp Hội đồng thành viên, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng thành viên thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp;
- n. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng thành viên và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và thành viên Công ty;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và thành viên Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

- f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 45. Hoạt động của Ban kiểm soát

- 1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng lĩnh vực.
- 2. Giới hạn hoạt động của Ban kiểm soát:
 - a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ;
 - b. Việc kiểm tra theo quy định tại điểm j, khoản 1 Điều 44 Điều lệ này không cản trở hoặc gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và hình thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 02 (hai) người.
- 4. Thủ lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:

- a. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
- b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Hội đồng thành viên chấp thuận;
- c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức, thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Hội đồng thành viên. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản xin từ chức hoặc từ nhiệm, Hội đồng thành viên phải họp để xem xét quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Hội đồng thành viên.
4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng thành viên triệu tập họp để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
5. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì Hội đồng thành viên ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng thành viên cử một người thay thế trong số thành viên Ban kiểm soát còn lại cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban kiểm soát như quy định tại Điều lệ này tại cuộc họp Hội đồng thành viên gần nhất.
6. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng thành viên ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng thành viên tạm thời cử người thay thế ngay cho đến khi triệu tập họp Hội đồng thành viên để bầu bổ sung.

CHƯƠNG X: CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 47. Chế độ tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo hợp đồng lao động ký giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp

27/11/2014 *[Signature]*

với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế có liên quan của Công ty.

CHƯƠNG XI: NĂM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Phân chia lợi nhuận và lập quỹ

1. Công ty chia lợi nhuận cho các thành viên khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
2. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự phòng tài chính với mức trích tối đa 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 25% vốn điều lệ của Công ty.
3. Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, mức trích do Hội đồng thành viên quyết định.
4. Sau khi đã trích lập các quỹ và thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả, Hội đồng thành viên sẽ quyết định việc phân chia lợi nhuận cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp. Các khoản lỗ trong kinh doanh cũng sẽ được chia sẻ cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.
5. Nếu như Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại trước hết sẽ được dùng để trang trải phần lỗ đó. Theo nghị quyết của Hội đồng thành viên, các khoản lợi nhuận được Công ty giữ lại do được chuyển từ các năm trước qua có thể được phân chia cùng với các khoản lợi nhuận có thể chia của năm hiện tại.

Điều 50. Thu hồi lợi nhuận đã chia

Trường hợp Công ty chia lợi nhuận cho các thành viên trái với quy định tại khoản 1 Điều 48 Điều lệ này thì các thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần lợi nhuận đã chia.

CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu thấy cần thiết.
3. Công ty thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch tiền tệ theo quy định thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

4. Tổng giám đốc quyết định mở, chấm dứt hoạt động, sử dụng các tài khoản của Công ty tại ngân hàng.

Điều 52. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán của Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ một hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 53. Kiểm toán

1. Hội đồng thành viên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty theo những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Tổng giám đốc. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng thành viên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo trên cơ sở báo cáo tài chính hàng năm các khoản thu chi của Công ty và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng thành viên trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
5. Khi cần thiết Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể được tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIII: TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**Điều 54. Tổ chức lại Công ty**

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng thành viên có thể biểu quyết việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức như chia Công ty, tách Công ty, hợp nhất Công ty, sáp nhập Công ty, chuyển đổi Công ty.
2. Trình tự thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty thực hiện theo quyết định của Hội đồng thành viên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Chấm dứt hoạt động theo nghị quyết của Hội đồng thành viên;

[Handwritten signatures and stamps at the bottom of the page]

- c. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Quyết định của Hội đồng thành viên về việc Công ty chấm dứt hoạt động của phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay xin chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 56. Thanh lý

1. Trong trường hợp Công ty bị tuyên bố phá sản hoặc bị cấm hoạt động theo lệnh của Tòa án, việc giải quyết thanh lý tài sản của Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp Công ty tự tuyên bố chấm dứt hoạt động theo nghị quyết của Hội đồng thành viên, thì chậm nhất 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định chấm dứt hoạt động, Hội đồng thành viên sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên Ban kiểm soát và ít nhất 01 (một) thành viên được chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ban thanh lý có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật về việc phân định trách nhiệm, xử lý tài sản, công nợ tồn đọng và giải quyết các vấn đề tồn tại khác liên quan đến quyền lợi của các thành viên dưới sự giám sát của Hội đồng thành viên.
4. Thời gian thanh lý và chi phí liên quan do Hội đồng thành viên quy định.
5. Trong thời gian thanh lý, Ban Thanh lý có quyền triệu tập Hội đồng thành viên bất thường.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm cho người lao động;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các thành viên tương ứng với phần vốn góp tại Công ty.

CHƯƠNG XIV: TRANH CHẤP, TỐ TỤNG

Điều 57. Tranh chấp, tố tụng

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi xảy ra tranh chấp, tố tụng.
2. Tổng giám đốc là người đại diện trước pháp luật thực hiện các thủ tục trong mọi giai đoạn tranh tụng.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ

quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 58. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi có tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các thành viên phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:

- a. Một thành viên hay các thành viên với Công ty; hoặc
- b. Một thành viên hay các thành viên với Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hay người quản lý khác,

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Chủ tịch Hội đồng thành viên thì các thành viên còn lại sẽ cử một người trong số họ chủ trì giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 (sáu mươi) ngày từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra các cơ quan pháp luật có thẩm quyền xét xử.
3. Mỗi bên tranh chấp tự chịu chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào chịu.

CHƯƠNG XV: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 59. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định của luật pháp hiện hành.
2. Hội đồng thành viên giao Tổng giám đốc quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của luật pháp hiện hành.

Điều 60. Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Khi cần thiết phải sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ tổ chức lập dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình Hội đồng thành viên quyết định. Các sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

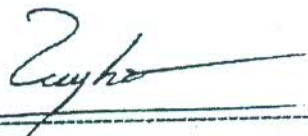
Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 15 Chương và 61 Điều được Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines nhất trí thông qua ngày tháng năm 2008 và có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản đăng ký tại các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - 02 bản lưu trong hồ sơ tại trụ sở Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines;
 - 01 bản lưu tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - 01 bản lưu tại Công ty cổ phần Phát triển hàng hải.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản trích, bản sao và bản dịch phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền mới có giá trị.
5. Nếu có điểm mâu thuẫn giữa bản Điều lệ tiếng Việt và các bản dịch ra tiếng nước ngoài thì bản Điều lệ tiếng Việt là bản có giá trị quyết định.
6. Công ty giữ toàn quyền giải thích Điều lệ này.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN SÁNG LẬP

ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM



Mai Văn Phúc



Trần Hữu Chiêu



Mai Văn Khang



Trần Hải Sơn

ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI



Nguyễn Cao Thắng

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Mai Văn Phúc



Đặng Thái Thịnh

CÔNG TY TNHH SỬA CHỮA TÀU BIỂN VINALINES

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Trần Hải Sơn".

Trần Hải Sơn

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 2. Tên gọi và biểu tượng của Công ty	2
Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty	2
Điều 4. Hình thức sở hữu - tư cách pháp nhân.....	2
Điều 5. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh.....	3
Điều 6. Thời gian hoạt động.....	3
Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động	3
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	4
Điều 8. Quyền của Công ty	4
Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty	5
CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN CÔNG TY, VỐN ĐIỀU LỆ.....	6
Điều 10. Thành viên Công ty.....	6
Điều 11. Vốn hoạt động	6
Điều 12. Vốn điều lệ.....	7
Điều 13. Thực hiện góp vốn và cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp	7
Điều 14. Tăng, giảm vốn điều lệ	8
Điều 15. Trái phiếu Công ty	9
Điều 16. Sổ đăng ký thành viên	9
Điều 17. Quyền của thành viên Công ty	9
Điều 18. Nghĩa vụ của thành viên Công ty	10
Điều 19. Mua lại phần vốn góp	10
Điều 20. Chuyển nhượng phần vốn góp.....	11
Điều 21. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác	11
Điều 22. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả	12
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY	12
Điều 23. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty	12
Điều 24. Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc của Công ty	12
CHƯƠNG VI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	13
Điều 25. Hội đồng thành viên	13
Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên	13
Điều 27. Người đại diện theo ủy quyền	14
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng thành viên.....	15
Điều 29. Triệu tập họp Hội đồng thành viên	16
Điều 30. Điều kiện và thể thức họp Hội đồng thành viên	17
Điều 31. Quyết định của Hội đồng thành viên.....	18
Điều 32. Biên bản họp Hội đồng thành viên	19
Điều 33. Thủ tục thông qua quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	19

CHƯƠNG VII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC.....	20
Điều 34. Tổng giám đốc	20
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc	20
Điều 36. Quyền và trách nhiệm của Tổng giám đốc	21
Điều 37. Bộ máy giúp việc	22
Điều 38. Việc ủy quyền, ủy nhiệm của Tổng giám đốc	22
Điều 39. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc	22
CHƯƠNG VIII: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ	22
Điều 40. Nghĩa vụ của người quản lý	23
Điều 41. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý	23
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT	23
Điều 42. Thành phần và nhiệm kỳ	23
Điều 43. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát	24
Điều 44. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	25
Điều 45. Hoạt động của Ban kiểm soát	26
Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	26
CHƯƠNG X: CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	26
Điều 47. Chế độ tuyển dụng	26
CHƯƠNG XI: NĂM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ	27
Điều 48. Năm tài chính	27
Điều 49. Phân chia lợi nhuận và lập quỹ	27
Điều 50. Thu hồi lợi nhuận đã chia	27
CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN	27
Điều 51. Tài khoản ngân hàng	27
Điều 52. Hệ thống kế toán	28
Điều 53. Kiểm toán	28
CHƯƠNG XIII: TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	28
Điều 54. Tổ chức lại Công ty	28
Điều 55. Chấm dứt hoạt động	28
Điều 56. Thanh lý	29
CHƯƠNG XIV: TRANH CHẤP, TỔ TỤNG	29
Điều 57. Tranh chấp, tố tụng	29
Điều 58. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ	30
CHƯƠNG XV: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	30
Điều 59. Con dấu	30
Điều 60. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ	30
Điều 61. Ngày hiệu lực	30